TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Năm

2. Bà Lê Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng G, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp 1, xã Tân Long, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Phùng Ngọc P, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp 1, xã Tân Long, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị Hồng G trình bày: Do mai mối nên bà Lê Thị Hồng G và ông Phùng Ngọc P tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thạnh huyện Thủ Thừa tỉnh Long An vào ngày 13/11/2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do cách chi tiêu tiền bạc, ngoài ra khi bà G đi bán quán cà phê để kiếm sống thì ông P xúc phạm nói bà G đi đứng đường và chửi mắng bà G mỗi ngày, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được.

Hiện bà G và ông P vẫn còn chung sống một nhà với nhau nhưng thân ai nấy lo, mỗi người có một cuộc sống, bà G ông P không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà G kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông P.

Quan hệ con chung: Có 04 con chung tên Phùng Ngọc T sinh năm 1995, Phùng Ngọc V sinh năm 1996, Phùng Thị H sinh năm 1998, Phùng Ngọc Yến N sinh năm 2003, các con chung đã trưởng thành.

Quan hệ tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan hệ nợ chung: bà G xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phùng Ngọc P trình bày: Ông P thống nhất với phần trình bày của bà G về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, con chung. Quá trình chung sống vợ chồng có cự cãi nhưng mâu thuẫn không trầm trọng. Vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc ngoài ra không còn mâu thuẫn gì khác. Hiện ông P và bà G vẫn còn ở chung nhà với nhau nhưng mạnh ai nấy sống, ăn uống riêng, ông P vẫn còn lo lắng và chăm sóc cho bà G. Nay bà G yêu cầu ly hôn ông P không đồng ý vì còn yêu thương vợ con, ông P muốn gàn gắn tình cảm với bà G để cùng nhau chăm sóc cho các con. Quan hệ con chung: Có 04 con chung tên Phùng Ngọc T sinh năm 1995, Phùng Ngọc V sinh năm 1996, Phùng Thị H sinh năm 1998, Phùng Ngọc Yến N sinh năm 2003, các con chung đã trưởng thành.

Quan hệ tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu càu Tòa án giải quyết.

Quan hệ nợ chung: ông P xác định không có.

Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông P đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Hồng G và ông Phùng Ngọc P có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay bà Lê Thị Hồng G yêu cầu ly hôn, ông P đang cư trú tại ấp 1, xã Tân Long, huyện Thủ Thừa, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng G, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông P xác định ông bà đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong việc chi tiêu tiền bạc. Tại phiên tòa ông P đồng ý ly hôn nên HĐXX ghi nhận.

Về con chung: Đã trường thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà G, ông P xác định không có.

Về án phí: Bà G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng G đối với ông Phùng Ngọc P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng G được ly hôn với ông Phùng Ngọc P.

2. Án phí: Bà Lê Thị Hồng G phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003958 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Bà Lê Thị Hồng G không phải nộp thêm án phí.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt không đồng ý thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Thạnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương